

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
Tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/DS-ST

Ngày 12/4/2023.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Tiến Thanh.

Ông Nguyễn Văn Thư

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 114/2022/TLST-DS ngày 14/12/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-DS ngày 28/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1977. Có mặt.

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1977 (Bà T uỷ quyền cho ông T theo Giấy uỷ quyền ngày 30/01/2023).

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Vũ Thị M, sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2022, bản tự khai ngày 15/12/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Văn T và là người được uỷ quyền của bà Phạm Thị T trình bày như sau:

Do mối quan hệ quen biết nên bà Vũ Thị M ở thôn N, xã Đ, huyện H, Thanh Hóa đã nhiều lần đến nhà tôi đặt vấn đề vay tiền. Sau nhiều lần thuyết phục, vào ngày 13/4/2019 tại gia đình nhà tôi, vợ chồng tôi đã cho bà Vũ Thị M vay số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), khi vay tiền bà M có nói vay để đảo sổ giúp cho các hộ vay ngân hàng, do khi đó bà M là tổ trưởng tổ vay vốn ở thôn đi thu hộ tiền cho Ngân hàng Chính sách xã hội, hai bên thoả thuận số tiền vay và tôi nhờ người đánh máy sẵn giấy vay tiền với nội dung xin việc cho con gái tôi, nhưng trên

thực tế không phải số tiền xin việc mà là tiền bà M vay của gia đình tôi, giấy đánh máy không ghi thời gian trả và không ghi lãi suất vì bà M nói vay trong thời hạn 10 ngày sẽ trả nên tôi không tính lãi, đến hạn bà M cũng không trả, đã nhiều lần tôi đòi nợ nhưng bà M không trả nên tôi đã làm đơn gửi Công an huyện H giải quyết, công an đã làm việc và bà M có hứa sẽ trả cho tôi nhưng cũng không trả. Để đảm bảo quyền lợi, chúng tôi yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị M phải trả cho chúng tôi số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng, chúng tôi không yêu cầu bà M trả số tiền lãi.

Trong giấy nhận tiền tôi nhờ người đánh máy sẵn còn bà M ghi các thông tin họ tên, địa chỉ, số tiền vay, ngày vay và tên chồng vào chỗ trống, khi vay tiền bà M có nói vay để đảo sổ cho các hộ vay ngân hàng, còn thực tế bà M vay tiền để làm gì thì chúng tôi không biết, việc vay và nhận tiền chỉ mình bà M đứng ra vay, chồng bà M không đến vay và không nhận tiền, còn việc chồng bà M có biết bà M vay tiền của chúng tôi không thì chúng tôi cũng không biết. Do đó, nay chúng tôi chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc một mình bà M phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ cho gia đình tôi là 100.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 15/12/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Vũ Thị M trình bày:

Do mối quan hệ quen biết giữa tôi với chị Vũ Thị H ở thôn Đ, xã Đ, huyện H (Chị H là Hội trưởng Hội phụ nữ xã) còn tôi làm việc trong tổ vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội thôn nên trước đó tôi có cho chị H vay tổng số tiền là 400.000.000 đồng vào các ngày 10/8/2018 và ngày 05/11/2018, sau đó chị H có nhờ tôi vay tiếp tiền cho chị H nên tôi đã xuống nhà ông Vũ Văn T ở thôn N, xã Đ, huyện H vay cho chị H số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Ngày 13/4/2019 tại gia đình ông Vũ Văn T, tôi đã vay của vợ chồng ông T, bà T số tiền là 100.000.000 đồng, trong giấy nhận tiền không ghi thời gian trả và không thỏa thuận về lãi suất, nhưng chúng tôi có thỏa thuận miệng với nhau là nếu vay từ 10 ngày trở xuống lãi suất là 60%/tháng, còn vay từ 10 ngày trở lên lãi suất 45%/tháng. Khi vay tiền thì giấy vay do ông T đánh máy sẵn đưa cho tôi điền các thông tin như tên, địa chỉ của tôi và tên chồng là Vũ Văn T và số tiền vay, ngày tháng vay vào chỗ trống, còn nội dung xin việc là do anh T đánh máy sẵn chứ tôi không quen biết ai để xin việc cho con gái ông T cả. Khi đến nhà ông T, bà T vay tiền chỉ mình tôi đến vay mà là vay giúp cho chị H chứ không phải vay chi tiêu cho gia đình tôi nên chồng tôi không biết việc tôi vay tiền của ông T làm gì, sau khi vay tiền của ông T tôi đã đưa toàn bộ cho chị H, hàng tháng chị H trả tiền lãi tôi đưa cho ông T. Ngoài số tiền tôi vay của ông T, bà T tôi còn vay của Ngân hàng đưa cho chị H vay, đến khi chị H vỡ nợ tôi phải bán đất để trả nợ cho Ngân hàng đến nay vẫn còn nợ Ngân hàng nên số tiền tôi vay của ông T, bà T chưa trả được, số tiền lãi hàng tháng tôi trả cho ông T, bà T tôi chỉ đưa chứ không có giấy tờ biên nhận nên nay tôi cũng không nhớ là đã trả lãi cho ông T tổng số tiền là bao nhiêu.

Việc vay tiền của ông T, bà T chỉ mình tôi đứng ra vay và nhận tiền, còn chồng tôi là anh Vũ Văn T hoàn toàn không biết việc tôi vay tiền của ông T giúp chị H nên

chồng tôi không liên quan gì đối với khoản vay mà tôi đã vay của ông T. Nay ông T khởi kiện tôi thống nhất còn nợ ông T, bà T số tiền đã vay là 100.000.000 đồng, tôi đồng ý và sẽ có trách nhiệm trả cho ông T, bà T khi nào tôi có tiền sẽ trả chứ tôi không thể hứa là thời gian nào sẽ trả vì hiện nay tôi chưa có tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463; Điều 466; Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị T. Buộc bà Vũ Thị M phải trả cho ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Về án phí: Bà Vũ Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị T và bà Vũ Thị M có nơi cư trú tại thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị M phải thanh toán số tiền nợ 100.000.000 đồng theo giấy nhận tiền ngày 13/4/2019, bà M thừa nhận đã ký giấy vay của ông T, bà T số tiền trên và đồng ý sẽ có trách nhiệm trả cho ông T, bà T khi nào có tiền sẽ trả chứ không thể hứa là thời gian nào sẽ trả vì hiện nay bà chưa có tiền. Quá trình giao dịch vay tiền các bên có lập thành văn bản và đều xác nhận tại thời điểm ký và nhận tiền đều khỏe mạnh, minh mẫn, tự nguyện, không bị ai ép buộc, do vậy Giấy vay nợ nêu trên có giá trị về mặt pháp lý và các bên có nghĩa vụ thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông T và bà M đều xác nhận tính đến ngày 12/4/2023 bà M

còn nợ ông T, bà T số tiền nợ 100.000.000 đồng, ông T yêu cầu bà M phải trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên. Do đó yêu cầu của của nguyên đơn đối với bị đơn là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà Vũ Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị T số tiền nợ là 100.000.000 đồng.

[2.2] Về số tiền lãi: Ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị M trả tiền lãi nên không xem xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T, bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc được trả lại cho ông T, bà T. Bà Vũ Thị M là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 278, 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Vũ Văn T, bà Phạm T.
2. Buộc bà Vũ Thị M phải trả cho ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị T số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị M. Trả lại cho ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị T số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/0009197 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện H.
- Chi cục THADS huyện H.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nga